

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trinh

Ông Lưu Thành Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Zơ Râm Quốc Sinh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2019/HS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hà Tiến L (tên gọi khác: Đen); sinh ngày 23/10/1994, tại: huyện T, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Q; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn N (chết) và bà Hà Thị N1 (SN: 1972); vợ: Nguyễn Thị Thùy L (SN: 1996) và có một con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/8/2019, hiện bị cáo đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc L1; sinh ngày 17/02/1989, tại: huyện T, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Q; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc T (chết) và bà Nguyễn Thị T1 (SN: 1956); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2019, hiện bị cáo đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự:

Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkMi (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn)

Địa chỉ: Thôn Lao Mung, xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*

Ông Bùi Công T2- Chức vụ: Tổ trưởng tổ cơ động theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Đoàn Khắc V (L3), sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 04, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam (hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phước Sơn), có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L1 có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Khắc V và Hồ Văn K cùng trú tại khối 6 (nay là tổ dân phố số 04), thị trấn Khâm Đức thỏa thuận với nhau là V sẽ tìm người vào khai thác những cây gỗ Gõ mà K đã nhìn thấy trước đó tại khu rừng thuộc thôn Nước Kiết, xã Phước Kim, khối lượng gỗ khai thác được V, K sẽ mua và bán lại để kiếm lời, số tiền có được sẽ chia đều cho hai người.

Ngày 27/7/2017, Đoàn Khắc V liên lạc với Hà Tiến L (đang ở nhà tại xã MHóa, huyện T, tỉnh Q) nói L tìm người để vào huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam khai thác gỗ cho V. Ngày 29/7/2017, Hà Tiến L và Trần Ngọc A từ huyện T, tỉnh Q đến huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam gặp Đoàn Khắc V và Hồ Văn K để bàn việc khai thác gỗ. Theo yêu cầu của A và L, sáng ngày 30/7/2017, Hồ Văn K dẫn Trần Ngọc A và Hà Tiến L vào rừng xem đường vận chuyển và chỉ khu vực sẽ khai thác gỗ để A và L xác định vị trí, khoảng cách vận chuyển để thỏa thuận về giá cả khai thác gỗ. Sau khi đi rừng về, Trần Ngọc A liên lạc với Hà Minh T3, Hoàng Trọng T5, Trần Ngọc L1 và Phạm Anh T4 nói những người này đến huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam để cùng khai thác gỗ cho V và K.

Ngày 01/8/2017, Hà Minh T3, Hoàng Trọng T5, Trần Ngọc L1 và Phạm Anh T4 đi xe khách từ cửa khẩu Bờ Y, tỉnh KonTum đến huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam được A và L đón và dẫn vào nhà V. Tại đây, Đoàn Khắc V, Hồ Văn K, Trần Ngọc A, Hà Tiến L, Phạm Anh T4, Trần Ngọc L1, Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 cùng bàn bạc, thống nhất với nhau là Đoàn Khắc V giao quy cách gỗ xẻ với kích thước là 02m x 25cm x 14cm, mỗi phách gỗ Gõ vận chuyển đến khu vực khe Đà Lạt (lòng hồ thủy điện ĐắkMi 4), V sẽ mua với giá 700.000 đồng, ngoài ra nếu gặp cây gỗ to thì xẻ theo quy cách 02m x 50cm x 10cm để thuận lợi cho việc mua bán sau này.

Nhóm người trực tiếp khai thác, vận chuyển gỗ cũng bàn bạc, thống nhất với nhau: Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 là những người đã lớn tuổi và có kinh nghiệm cưa xẻ bằng cưa máy nên có nhiệm vụ cưa hạ gỗ và xẻ ra thành phách. Trần Ngọc A, Hà Tiến L, Phạm Anh T4 và Trần Ngọc L1 có nhiệm vụ vận chuyển (cõng) gỗ phách từ nơi khai thác về đến khu vực khe Đà Lạt bán cho Đoàn Khắc V. Số tiền có được, sau khi trừ hết chi phí sẽ chia đều cho 06 người.

Ngày 02/8/2017, Đoàn Khắc V cho nhóm người của Trần Ngọc A ứng 10.000.000 đồng để mua sắm thực phẩm, đồ dùng phục vụ cho việc vào rừng khai thác gỗ. Ngày 03/8/2017, V dùng ghe (thuyền) máy chở những người này theo lòng hồ thủy điện ĐăkMi 4 đến khu vực khe Đà Lạt. Tại đây, Trần Ngọc A, Hà Tiến L, Phạm Anh T4, Trần Ngọc L1, Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 chia làm hai nhóm, một nhóm làm lán trại tại khu vực khe Đà Lạt, một nhóm đi theo Hồ Văn K để đến vị trí các cây gỗ Gõ mà K thấy trước đó và tìm những cây gỗ Gõ khác ở khu vực này để khai thác. Ngày 07/8/2017, sau khi tìm được cây gỗ, Hà Minh T3 và Hà Trọng T5 ở lại lán trại tại đây để khai thác gỗ. Trần Ngọc A, Hà Tiến L, Phạm Anh T4 và Trần Ngọc L1 thì ở lán trại tại khu vực khe Đà Lạt để chuẩn bị cho việc vận chuyển gỗ.

Tại khu vực khai thác, Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 đã cưa hạ 05 (năm) cây gỗ Gõ, sau đó tiến hành cưa xẻ một cây ra gỗ phách theo quy cách 02m x 25cm x 14cm. Ngày 09/8/2017, Hà Minh T3 điện thoại thông báo cho Trần Ngọc A là đã có gỗ xẻ phách để mọi người vào vận chuyển. Khoảng 4h ngày 10/8/2017, Trần Ngọc A, Hà Tiến L, Phạm Anh T4 và Trần Ngọc L1 đi bộ từ lán trại ở khe Đà Lạt đến vị trí Tuấn và T5 đang khai thác gỗ. Đến nơi, Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 phụ giúp đưa những phách gỗ Gõ đã xẻ lên lưng để Trần Ngọc A, Hà Tiến L, Phạm Anh T4 và Trần Ngọc L1 công (vận chuyển) về khu tập kết khe Đà Lạt. Khi vận chuyển ra khỏi khu vực khai thác khoảng 300m thì bị Tổ công tác của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkMi đi tuần tra rừng phát hiện, Trần Ngọc A và Phạm Anh T4 bị bắt giữ, Trần Ngọc L1 và Hà Tiến L bỏ lại gỗ chạy thoát. Kiểm tra hiện trường khai thác gỗ thì Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 cũng đã bỏ trốn. Tổ công tác đã dẫn giải Trần Ngọc A và Phạm Anh T4 về bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn xử lý.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định vị trí, loại rừng, chủng loại gỗ đã xác định: Năm cây gỗ bị Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 cưa hạ, khai thác trA phép là gỗ Gõ Lau, Nhóm IIA; vị trí, địa Điểm khai thác: Khoảnh 3 Tiểu khu 690, thuộc thôn Nước Kiết, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, được quy hoạch là rừng phòng hộ, thuộc lâm phận quản lý, bảo vệ của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkMi và Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ ĐăkMi. Lâm sản thiệt hại: Cây thứ nhất 4,805m³, cây thứ hai 5,703m³, cây thứ ba 9,146m³, cây thứ tư 4,823m³, cây thứ năm 5,588m³. Tổng thiệt hại là 30,065m³ gỗ tròn.

Quá trình điều tra đã thu giữ của Trần Ngọc A 01 điện thoại di động hiệu OPPO, kiểu máy R1001, có 02 Sim, Sim 01 số: 0944 068 107, Sim 02 số: 01273 455 145; 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2, có Sim số 01626 202 736.

Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-ĐG ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phước Sơn xác định: Giá trị thiệt hại của 30,065m³ gỗ Gõ Lau bị khai thác trA phép tại Khoảnh 3 Tiểu khu 690 là 285.617.500 đồng.

Ngày 12/9/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn ra Quyết định xử lý vật chứng số 08: Chuyển giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkMi toàn bộ số gỗ tại hiện trường để tổ chức thu gom số gỗ có thể tận thu được, vận chuyển về bảo quản và tham mưu bán đấu giá theo quy định. Đồng thời hủy bỏ số lượng gỗ không tận thu được bằng hình thức cưa cắt nhỏ bỏ tại rừng.

Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkMi đã tận thu được 8,006m³ gỗ xẻ, chuyển bán đấu giá được 144.100.000 đồng; số gỗ không tận thu được đã hủy bỏ tại hiện trường.

Ngày 12/8/2019, Hà Tiến L bị Công an Thành phố Hải Phòng bắt truy nã; ngày 22/8/2019, Trần Ngọc L1 đến Công an tỉnh Quảng Bình đầu thú. Hai bị can được áp giải đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam để điều tra theo thẩm quyền.

Hành vi của Đoàn Khắc V, Hồ Văn K, Trần Ngọc A, Phạm Anh T4, Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 đã được xét xử tại Bản án số 10/2018/HS-ST ngày 26/6/2018, Bản án số 14/2018/HS-ST ngày 13/8/2018 và Bản án số 08/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 về tội: “*Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm tội có tổ chức, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo L có con còn nhỏ. Đề nghị áp dụng Khoản 2 Điều 175; Điểm a Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử truy thu của bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 mỗi bị cáo số tiền 1.666.666đ (*Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo đồng ý luận tội của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L1 trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quy định của pháp luật; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời

khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài L1, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: tháng 7 năm 2017, Hà Tiến L đang ở nhà tại xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thì Đoàn Khắc V điện thoại cho L vào xẻ cây gỗ để bán kiếm tiền và L đồng ý. Ngày 29/7/2017, L rủ Trần Ngọc A cùng đi vào thị trấn Khâm Đức để khai thác gỗ. Khi vào đến thị trấn Khâm Đức thì L và A vào nhà V. Tại đây L và A gặp V và K cùng bàn bạc việc vào rừng khai thác gỗ. Ngày 30/7/2017, Hồ Văn K dẫn L và A vào Tiểu khu 690 thôn Nước Kiết, xã Phước Kim để xem đường vận chuyển và chỉ khu vực sẽ khai thác gỗ. Chiều cùng ngày, sau khi đi rừng về thì Trần Ngọc A gọi điện thoại rủ Hà Minh T3, Phạm Anh T4, Hoàng Trọng T5 và Trần Ngọc L1 là những người cùng quê đang làm thuê gần cửa khẩu BờY, huyện Ngọc Hồi, tỉnh KonTum đến huyện Phước Sơn để khai thác gỗ bán lại cho K và V. Ngày 01/8/2017, Hà Minh T3 cùng Hoàng Trọng T5, Phạm Anh T4 và Trần Ngọc L1 đến huyện Phước Sơn, được Trần Ngọc A và Hà Tiến L dẫn đến nhà V, tại nhà V nhóm của L gồm có Hà Tiến L, Trần Ngọc L1, Hà Minh T3, Hoàng Trọng T5, Phạm Anh T4 và Trần Ngọc A là những người cùng quê tại xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (nhóm những người Quảng Bình) và Đoàn Khắc V, Hồ Văn K cùng bàn bạc và tổ chức đi khai thác gỗ trA phép tại tiểu khu 690 (rừng phòng hộ, thuộc xã Phước Kim). Sau khi bàn bạc thống nhất nhóm những người Quảng Bình trực tiếp đi xẻ gỗ theo kích cỡ 02m x 25cm x 14cm mỗi phách vận chuyển từ nơi khai thác đến bãi tập kết Đà Lạt với giá 700.000đ, V có trách nhiệm mua lại khối lượng gỗ mà nhóm những người Quảng Bình khai thác. Ngày 02/8/2017, V đưa cho nhóm người Quảng Bình ứng 10.000.000đ để mua đồ dùng, thực phẩm dùng vào việc khai thác gỗ trA phép. Ngày 03/8/2017, V dùng ghe chở Hà Tiến L, Trần Ngọc L1, Hà Minh T3, Phạm Anh T4, A và T5 vào bãi Đà Lạt gặp K. Sau khi được K dẫn vào rừng chỉ những cây gỗ Gõ. Nhóm đã bàn bạc phân công Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 lớn tuổi có kinh nghiệm là người trực tiếp cưa hạ và xẻ gỗ. Còn Phạm Anh T4, L1, A, L là những người vận chuyển gỗ. Đến ngày 09/8/2017, Hà Minh T3 gọi điện thoại cho A để vào đưa gỗ ra bãi tập kết Đà Lạt. Khi A, L, Phạm Anh T4 và L1 đang vận chuyển gỗ ra bãi tập kết khe Đà Lạt thì tổ công tác Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkMi đi tuần tra phát hiện, Trần Ngọc A và Phạm Anh T4 bị bắt giữ, những người còn lại chạy thoát. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: 05 cây gỗ bị Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 cưa hạ, khai thác là gỗ Gõ Lau, nhóm IIA; vị trí, địa Điểm khai thác: Khoảnh 3 Tiểu khu 690, thuộc thôn Nước Kiết, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, được quy hoạch là rừng phòng hộ, lâm sản thiệt hại tổng cộng là 30,065m³ gỗ Gõ Lau trị giá là 285.617.500đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

Tại phiên toà Đoàn Khắc V khai: Hồ Văn K rủ V tìm người khai thác gỗ bán kiếm tiền vì K đã thấy một số cây gỗ Gõ Lau tại thôn Nước Kiết, xã Phước Kim, V đồng ý và điện thoại cho Hà Tiến L về việc khai thác gỗ, L đồng ý và dẫn Hà Minh T3, Hoàng Trọng T5, Phạm Anh T4, Trần Ngọc L1, Trần Ngọc A đến nhà V. Tại nhà V thì V, K và nhóm những người Quảng Bình bàn bạc, đi khai thác gỗ V đưa ra qui cách và cho nhóm những người Quảng Bình ứng 10.000.000đ để mua đồ dùng, thực phẩm dùng vào việc khai thác gỗ trA phép. Sau đó, V dùng ghe chở nhóm người Quảng Bình vào bãi tập kết Đà Lạt.

Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự khai: Tổ tuần tra đã phát hiện và bắt quả tang Trần Ngọc A và Phạm Anh T4 đang vận chuyển gỗ ra bãi tập kết khe Đà Lạt, tiến hành kiểm tra hiện trường có 05 cây gỗ Gõ Lau nhóm IIA thuộc loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm đã bị chặt hạ với khối lượng 30,065m³.

Căn cứ Điểm a Tiểu mục 1.5, phần IV của Thông tư liên tịch số: 19/2007/TTLT/BNN&PTNT- BTP- BCA- VKSNDTC- TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì hành vi của các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 phạm tội “*Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng*”. Các bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 phạm tội ngày 07/8/2017 và đã bị khởi tố vụ án ngày 17/8/2017, khởi tố bị can ngày 23/11/2017, căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi khai thác gỗ trA phép của Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 thuộc trường hợp “*Rất nghiêm trọng*” nên áp dụng các điều luật của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với các bị cáo. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 tội “*Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất vụ án: Bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 biết khai thác gỗ không có giấy phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên các bị cáo đã đồng ý đi khai thác gỗ bán lại cho V và K. Các bị cáo đã bàn bạc cùng với V, K, Hà Minh T3, Hoàng Trọng T5, Phạm Anh T4, Trần Ngọc A chuẩn bị các công cụ, phương tiện để đi khai thác gỗ. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Hà Tiến L là người được V gọi điện thoại vào Phước Sơn để khai thác gỗ. L đồng ý và rủ Trần Ngọc A vào huyện Phước Sơn khai thác gỗ trA phép. Bị cáo L và L1 là những người tham gia vận chuyển gỗ trA phép, các bị cáo phạm tội với vai trò là người thực hành. Hơn nữa, sau khi phạm tội các bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho Cơ quan điều tra. Bị cáo L là người trực tiếp nhận lời khai thác gỗ cho V và L cũng là người rủ Trần Ngọc A cùng đi khai thác gỗ trA phép. Hơn nữa bị cáo L bị bắt theo Lệnh truy nã. Còn bị cáo L1 ra đầu thú. Do đó, xử phạt bị cáo L mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo L1. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm các qui định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo phạm tội có tổ chức nên áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để các bị cáo có thời gian cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. *Xét luận tội của Đại diện viện kiểm sát*: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm tội có tổ chức nên áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo. Các bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình

khó khăn. Bị cáo L có con còn nhỏ qui định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có cơ sở cần được chấp nhận.

[5]. Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng nên áp dụng Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt các bị cáo.

[6]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội có bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể nên phạm tội có tổ chức theo qui định tại Điểm a Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bị cáo L có con còn nhỏ. Vì vậy, áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo Trần Ngọc L1 ra đầu thú nên áp dụng Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7]. Ngoài hình phạt chính, đáng lẽ ra các bị cáo còn có thể bị xử phạt bổ sung theo qui định tại Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không xử phạt bổ sung.

[8]. Đối với Đoàn Khắc V, Trần Ngọc A và Phạm Anh T4 là những người cùng khai thác gỗ với các bị cáo, đã bị xét xử theo Bản án số: 10/2018/HS-ST ngày 26/6/2018. Đối với Hồ Văn K đã bị xét xử theo Bản án số: 14/2018/HS-ST ngày 13/8/2018. Đối với Hà Minh T3 và Hoàng Trọng T5 đã bị xét xử theo Bản án số: 08/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đã được TAND huyện Phước Sơn giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HS- ST ngày 26/6/2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà Đoàn Khắc V cho Hà Minh T3, Hoàng Trọng T5, Phạm Anh T4, Hà Tiến L, Trần Ngọc A và Trần Ngọc L1 ứng để mua thực phẩm, đồ dùng chia đều mỗi người 1.666.666đ. Số tiền này các bị cáo dùng vào việc khai thác gỗ trA phép nên áp dụng Khoản 3 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 truy thu để sung công quỹ Nhà nước.

[10]. *Về án phí hình sự:* Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 phạm tội “*Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng*”;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 175; Điểm a Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo:

Hà Tiến L: 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 13/8/2019.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 175; Điểm a Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo:

Trần Ngọc L1: 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 22/8/2019.

- Áp dụng Khoản 3 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tuyên truy thu của Hà Tiến L và Trần Ngọc L1 mỗi bị cáo số tiền 1.666.666đ (*Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu: 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

Các bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Sở tư pháp Q.Nam
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Thị Lan

